|  |  |
| --- | --- |
|  | Hội Sở chính/ *Headquarters*Số 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội/*89 Lang Ha street, Dong Da district, Ha Noi*ĐT/ *Tel*: (84.24) 39288869 Fax: (84.24) 39288867Swift: VPBKVNVX Website:www.vpbank.com.vn |

**PHỤ LỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÔNG TIN SỬ DỤNG DỊCH VỤ VPBANK NEOBIZ/ *ANNEX ON INFORMATION CHANGE REGISTRATION FOR VPBANK NEOBIZ SERVICE***

*Đính kèm Giấy đề nghị đăng ký dịch vụ do Khách hàng ký ngày………./………./………(“Giấy đề nghị”)/ Attached with the service application form signed by Customer on………./………./………(“Application form”)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. PHẦN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG/ *FOR CUSTOMER*** | | | | | | | | | | | | | |
| Chúng tôi đề nghị VPBank thay đổi sử dụng dịch vụ VPBank NEOBiz chi tiết như sau (*We hereby request VPBank to change VPBank NeoBiz service use for us with the following details)*: | | | | | | | | | | | | | |
| **1. Thay Đổi Gói Dịch Vụ/ *Service Packages Change*** | | | | | | | | | | | | | |
| |  |  | | --- | --- | | **Gói dịch vụ *(Service Packages)***  Vui lòng đánh dấu (X) vào lựa chọn phù hợp (*Please mark (x) at suitable options)* | **Gói tài chính *(Financial package)***  **Gói truy vấn *(Query package)*** | | Tài khoản thanh toán phí dịch vụ VPBank NEOBiz *(Current account paying VPBank NeoBiz service fees)* | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | | | | | | | | | | | | | | |
| **2. Thay Đổi Tài Khoản Đăng Ký Sử Dụng Dịch Vụ/ *Account registered for Service Use Change*** | | | | | | | | | | | | | |
| Tất cả tài khoản thanh toán hiện tại của Khách hàng tại VPBank và tự động kết nối các tài khoản thanh toán được mở mới sau này của Khách hàng tại VPBank *(All existing current accounts of the Customer at VPBank and automatically connect future newly-opened accounts of the Customer at VPBank to the Service)*  Các tài khoản thanh toán sau *(The following current accounts)*:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Thêm *(Add)* | Hủy bỏ *(Remove)* | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | | Thêm *(Add)* | Hủy bỏ *(Remove)* | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | | | | | | | | | | | | | | |
| **3. Thay Đổi Hạn Mức Giao Dịch Của Khách Hàng (Áp dụng cho Gói tài chính)*/ Customer's Transaction Limit Change (Applicable to Financial package)*** | | | | | | | | | | | | | |
| |  |  | | --- | --- | | Không giới hạn *(Unlimited)* | Hạn mức ngày/hạn mức từng lần cho tất cả các giao dịch là *(Daily limit/limit per transaction, applicable to all transactions)*: *………………………*  Khác: Vui lòng điền thông tin tại bảng sau *(Other: Please fill in the table below)*: | | | | | | | | | | | | | | |
| **Loại hạn mức *(Limit type)*** | | | | | **Hạn mức ngày (VNĐ) *(Daily limit (VND))*** | | | | | **Hạn mức từng lần giao dịch (VNĐ) *(Limit per transaction (VND))*** | | | |
| Chuyển khoản cùng hệ thống VPBank *(Transfer within VPBank system)* | | | | |  | | | | |  | | | |
| Chuyển khoản liên ngân hàng *(Interbank transfer)* | | | | |  | | | | |  | | | |
| Chuyển tiền quốc tế *(International money transfer)* (\*) | | | | |  | | | | |  | | | |
| **Loại hạn mức *(Limit type)*** | | | | | **Hạn mức ngày (VNĐ) *(Daily limit (VND))*** | | | | | **Hạn mức từng lần giao dịch (VNĐ) *(Limit per transaction (VND))*** | | | |
| Thanh toán lương tổng *(Payment of total salary)* | | | | |  | | | | |  | | | |
| Thanh toán hóa đơn *(Bill payment)* | | | | |  | | | | |  | | | |
| Thanh toán thuế *(Tax payment)* | | | | |  | | | | |  | | | |
| Đề nghị phát hành L/C *(Request for L/C issuance)* | | | | |  | | | | |  | | | |
| Chuyển tiền sang TK nhà đầu tư chứng khoán *(Transfer money to securities account)* | | | | |  | | | | |  | | | |
| Đề nghị phát hành Bảo lãnh *(Request for underwriting)* | | | | |  | | | | |  | | | |
| Giao dịch tài trợ chuỗi *(Supply chain financing)* | | | | |  | | | | |  | | | |
| *Ghi chú (Note):*  *Khách hàng có quyền thay đổi hạn mức tối đa của mình khi đăng nhập vào hệ thống VPBank NEOBiz, tuy nhiên hạn mức tối đa đó không được vượt quá hạn mức tối đa đã đăng ký trên đây (Customers have the right to change their maximum limit when logging into VPBank NEOBiz system, however, such changed maximum limit must not exceed the value registered above).*  *(\*) Khách hàng chỉ được kích hoạt dịch vụ Chuyển tiền quốc tế nếu đáp ứng các điều kiện sử dụng Dịch vụ Chuyển tiền quốc tế trên VPBank NEOBiz (Customers can only activate the service of International Money Transfer if the conditions for using International Money Transfer on VPBank NEOBiz are met).* | | | | | | | | | | | | | |
| **4. Đăng Ký, Thay Đổi, Hủy Bỏ Người Sử Dụng Dịch Vụ *(Register, Change, Cancel Service User)*** | | | | | | | | | | | | | |
| Lưu ý *(Notes)*: Cách đặt tên truy cập VPBank NEOBiz trong trường hợp đăng ký mới Người sử dụng *(How to set a username for VPBank NEOBiz account in case of new User registration)*:  + Bắt đầu bằng chữ, độ dài từ 6 đến 45 ký tự, bao gồm các ký tự số hoặc chữ viết liền (*Starting with a letter with length from 6 to 45 characters, including numeric characters or characters)*;   |  | | --- | | + Không chứa ký tự đặc biệt và khoảng trắng *(Contain no special characters and spaces)*;  + Không được sử dụng toàn bộ ký tự trùng nhau hoặc liên tục theo thứ tự trong bảng chữ cái, chữ số *(Do not use all identical or consecutive characters, or consecutive numbers)*;  + Trường hợp tên truy cập do Khách hàng đặt không hợp lệ hoặc trùng với tên truy cập của các Khách hàng khác đã tồn tại trên hệ thống VPBank NEOBiz thì VPBank sẽ tự động cấp lại tên truy cập *(In case the Customer’s username is invalid or already exists on the VPBank NEOBiz system, VPBank shall automatically reprovide the username)*. | | | | | | | | | | | | | | |
| **4.1. Thông Tin Người Sử Dụng/ *User Information*** | | | | | | | | | | | | | |
| **Đăng ký mới/ *New registration*** | | | | | **Sửa đổi/ *Change*** | | | | | | **Hủy bỏ/ *Removal*** | | |
| Tên truy cập (*Username)*: *……………………………………………………………………………………….…………………………………..…………………….* | | | | | | | | | | | | | |
| Họ và tên/ *Full name*: *……………………………………………………………………………………………………………………..…………….……………………*  Giấy tờ tùy thân/ *Identity document[[1]](#footnote-1) :…………………………………………………………………………………………………………………………*  Ngày cấp *(Date of issue)*: …………………………………………….…… Nơi cấp *(Place of issue)*: …………………………………………….  Có giá trị đến (*Date of expiry)*: ……………………………………… Mã PIN *(PIN Code)*[[2]](#footnote-2): ………………………………………….………….  Điện thoại di động *(Mobile)*: ……………………………………………… Địa chỉ Email *(Email)*: *……………………………….…………………*  Các thông tin khác không kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch *vụ (Other information not declared in this Appendix shall follow the registered/updated information in the account opening file for service use)*[[3]](#footnote-3).  Nếu chưa đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ, vui lòng điền bổ sung các thông tin sau *(If the User has not registered/updated information in the account opening file and service use at VPBank, please provide the following additional information)*[[4]](#footnote-4):  Ngày, tháng, năm sinh *(Date of birth)*: ………………………………………..…………..…………..…………..…………..…………..…………..…..  Nghề nghiệp *(Occupation)*: ………………………….…….. Chức vụ *(Position)*: ……….…………….……………..…………..…………..……  Quốc tịch *(Nationality)*: ………………………………………. Mã số thuế *(Tax code)*: …….…….………..………..…………..……………….  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp  *(Identification information issued by competent foreign authority[[5]](#footnote-5)*: ………………….……….……….……….………………..  Địa chỉ thường trú *(Pernament Address)*: ………………………………………………………………………………………………....……….……….  Tình trạng cư trú/ *Residence Status*:  Cư trú *(Resident)*  Không cư trú (*Non-resident)*  Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam *(For Foreign Residents in Vietnam):*  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực  (*Visa/Alternative Document Number)*[[6]](#footnote-6): ………….…………….………….………….………….………….………….………….………….…………  Nơi cấp *(Place of issue):* ……………………….……………………… Ngày hết hạn (Date of expiry): ……………………………………  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài  *(Address of registered residence abroad)*: ………………………….……………….……………….……………….……………….……………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam  *(Address of registered residence in Vietnam):* ………………..……………….……………….……………….……………….……………….……  Đối với cá nhân mang hai quốc tịch, bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại (*For Dual Nationality Individuals, please provide the following additional information for the other nationality)[[7]](#footnote-7).*  Quốc tịch *(Nationality)*: ……..…………..……………………….. Số Hộ chiếu *(Passport number)*: …………………………..………..…  Ngày cấp *(Date of issue):* ……………………………..………. Nơi cấp *(Place of issue)*: ………………..….……………..………..………..  Ngày hết hạn hiệu lực *(Date of expiry)*: ……………………………………………………………………………………………………………………….  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại  *(Residence Address in the other nationality country)*: …………………..………..………..………..………..………..………..………..…  Xin cấp lại mật khẩu mới *(Request for reissuing new password)* | | | | | | | | | | | | | |
| Chức năng/ *Function* | | Thanh toán lương/*Salary payment* | Thanh toán (không gồm Thanh toán lương)/ *Payment (excluding Salary payment)* | | | Thanh toán mở rộng (Thanh toán + Thanh toán lương)/ *Extended payment (Payment + Salary payment)* | | Tài trợ thương mại và tài trợ chuỗi/ *Trade financing and supply chain financing* | Tài trợ thương mại, tài trợ chuỗi và Thanh toán mở rộng/ *Trade financing, supply chain financing and Extended payment* | | | Truy vấn/ *Query* | Truy vấn mở rộng (gồm thông tin Thanh toán và Thanh toán lương)/ *Extended query (including information on Payment and Salary payment)* |
| Người Lập Lệnh/ *Order Creator* | |  |  | | |  | |  |  | | |  |  |
| Người Xác Nhận Lệnh/ *Order Verifier* | |  |  | | |  | |  |  | | |  |  |
| Người Duyệt Lệnh/ *Order Approver* | |  |  | | |  | |  |  | | |  |  |
| Người Truy Vấn Lệnh/ *Order Querier* | |  |  | | |  | |  |  | | |  |  |
| Đăng ký sử dụng chức năng thay đổi thông tin thông qua các Lệnh thay đổi thông tin *(Opt in to using the information change function by information change orders)*:  Có *(Yes)*  Không *(No)*  Đăng ký không xem danh sách lương (với Người Duyệt Lệnh/Người Xác Nhận Lệnh có vai trò thanh toán lương) *(Opt out of viewing the salary list (for Order Approver/Order Verifier acting the role of salary payment))*  Tài khoản thanh toán được quyền truy cập *(Current accounts with allowed access)*:  Tất cả các tài khoản thanh toán hiện tại của Khách hàng tại VPBank và tự động kết nối các tài khoản thanh toán được mở sau này của Khách hàng *(All existing current accounts of the Customer at VPBank and future opened accounts of the Customer shall be automatically connected)*.  Khác *(Other)*: …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Hạn mức (VNĐ) *(Limit (VND))* | Duyệt đơn *(Single approval)*: …………………… | Duyệt kép *(Dual approval)*: ………….…… | Xác nhận *(Verification)*: …………………………………….………… |   Phương thức xác thực giao dịch *(Transaction authentication method)*:   * Người Lập Lệnh: Mặc định áp dụng phương thức OTP – SMS. Trường hợp Khách hàng không đăng ký số điện thoại thì sử dụng OTP – Email *(Order Creator: OTP – SMS method is applied by default. In case the Customer does not provide the telephone number, OTP – Email shall be used)*. * Người Duyệt Lệnh/Người Xác Nhận Lệnh: Mặc định áp dụng phương thức Smart OTP *(Order Approver/Order Verifier: Smart OTP method is applied by default)*.   Trường hợp có nhu cầu đăng ký thêm phương thức xác thực là chữ ký số, vui lòng tích chọn/ *the Customer needs to use an additional authentication method of digital signature, please tick*:  Chữ ký số (Người Duyệt Lệnh/Người Xác Nhận Lệnh đăng ký chữ ký số lần đầu/đăng ký thêm/thay đổi thông tin/hủy bỏ/tạm dừng/chấm dứt tạm dừng chữ ký số trên hệ thống VPBank NEOBiz theo hướng dẫn của VPBank từng thời kỳ. Chữ ký số này được sử dụng để Người Duyệt lệnh/Người Xác nhận lệnh xác thực giao dịch, ký chứng từ trên VPBank NEOBiz)/ *Digital Signature (Order Approver/Oder Verifier registers digital signature for the first time/adds/changes information/cancellation/pauses/stops suspending digital signature on VPBank NEOBiz system according to instructions of VPBank from time to time. This digital signature is used for Order Approver/Order Verifier to authenticate transactions and sign documents on VPBank NEOBiz)* | | | | | | | | | | | | | |
| **4.2. Thông Tin Người Sử Dụng/ *User Information*** | | | | | | | | | | | | | |
| **Đăng ký mới/ *New registration*** | | | | | **Sửa đổi/ *Change*** | | | | | | **Hủy bỏ/ *Removal*** | | |
| Tên truy cập/ *Username*: *……………………………………………………………………………………….…………………………………..……………………* | | | | | | | | | | | | | |
| Họ và tên/ *Full name*: *……………………………………………………………………………………………………………………..…………….………………….*  Giấy tờ tùy thân/ *Identity document[[8]](#footnote-8) :……………………………………………………………………………………………………………………….*  Ngày cấp *(Date of issue)*: …………………………………………….…… Nơi cấp *(Place of issue)*: …………………………………………..  Có giá trị đến (*Date of expiry)*: ……………………………………… Mã PIN *(PIN Code)*[[9]](#footnote-9): ………………………………………….………..  Điện thoại di động *(Mobile)*: ……………………………………………… Địa chỉ Email *(Email)*: *……………………………….……………….*  Các thông tin khác không kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ (Other information not declared in this Appendix shall follow the registered/updated information in the account opening file for service use)[[10]](#footnote-10).  Nếu chưa đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ, vui lòng điền bổ sung các thông tin sau (If the User has not registered/updated information in the account opening file and service use at VPBank, please provide the following additional information)[[11]](#footnote-11):  Ngày, tháng, năm sinh (Date of birth): ………………………………………..…………..…………..…………..…………..…………..…………..……  Nghề nghiệp (Occupation): ………………………….…….. Chức vụ (Position): ……….…………….……………..…………..…………..…….  Quốc tịch (Nationality): ………………………………………. Mã số thuế (Tax code): …….…….………..………..…………..………………..  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp  *(Identification information issued by competent Stateagencies)[[12]](#footnote-12)*:……………………………….……….……….……….………  Địa chỉ thường trú (Pernament Address): ………………………………………………………………………………………………....……….……….  Tình trạng cư trú/ Residence Status:  Cư trú (Resident)  Không cư trú (Non-resident)  Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam (For Foreign Residents in Vietnam):  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực  (Visa/Alternative Document Number)[[13]](#footnote-13): ………….…………….………….………….………….………….………….………….………….…………  Nơi cấp (Place of issue): ……………………….……………………… Ngày hết hạn (Date of expiry): ……………………………………  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài  (Address of registered residence abroad): ………………………….……………….……………….……………….……………….……………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam  (Address of registered residence in Vietnam): ………………..……………….……………….……………….……………….……………….……  Đối với cá nhân mang hai quốc tịch, bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại (For Dual Nationality Individuals, please provide the following additional information for the other nationality)[[14]](#footnote-14).  Quốc tịch (Nationality): ……..…………..……………………….. Số Hộ chiếu (Passport number): …………………………..………..…  Ngày cấp (Date of issue): ……………………………..………. Nơi cấp (Place of issue): ………………..….……………..………..………..  Ngày hết hạn hiệu lực (Date of expiry):………………………………………………………………………………………………………………………..  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại  (Residence Address in the other nationality country): …………………..………..………..………..………..………..………..………..…  Xin cấp lại mật khẩu mới *(Request for reissuing new password)* | | | | | | | | | | | | | |
| Chức năng/ *Function* | Thanh toán lương/*Salary payment* | | Thanh toán (không gồm Thanh toán lương)/ *Payment (excluding Salary payment)* | | | Thanh toán mở rộng (Thanh toán + Thanh toán lương)/ *Extended payment (Payment + Salary payment)* | | Tài trợ thương mại và tài trợ chuỗi/ *Trade financing and supply chain financing* | Tài trợ thương mại, tài trợ chuỗi và Thanh toán mở rộng/ *Trade financing, supply chain financing and Extended payment* | | | Truy vấn/ *Query* | Truy vấn mở rộng (gồm thông tin Thanh toán và Thanh toán lương)/ *Extended query (including information on Payment and Salary payment)* |
| Người Lập Lệnh/ *Order Creator* |  | |  | | |  | |  |  | | |  |  |
| Người Xác Nhận Lệnh/ *Order Verifier* |  | |  | | |  | |  |  | | |  |  |
| Người Duyệt Lệnh/ *Order Approver* |  | |  | | |  | |  |  | | |  |  |
| Người Truy Vấn Lệnh/ *Order Querier* |  | |  | | |  | |  |  | | |  |  |
| Đăng ký sử dụng chức năng thay đổi thông tin thông qua các Lệnh thay đổi thông tin *(Opt in to using the information change function by information change orders)*:  Có *(Yes)*  Không *(No)*  Đăng ký không xem danh sách lương (với Người Duyệt Lệnh/Người Xác Nhận Lệnh có vai trò thanh toán lương) *(Opt out of viewing the salary list (for Order Approver/Order Verifier acting the role of salary payment))*  Tài khoản thanh toán được quyền truy cập *(Current accounts with allowed access)*:  Tất cả các tài khoản thanh toán hiện tại của Khách hàng tại VPBank và tự động kết nối các tài khoản thanh toán được mở sau này của Khách hàng *(All existing current accounts of the Customer at VPBank and future opened accounts of the Customer shall be automatically connected)*.  Khác *(Other)*: ………………………………………………………………………………   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Hạn mức (VNĐ) *(Limit (VND))* | Duyệt đơn *(Single approval)*: …………………… | Duyệt kép *(Dual approval)*: ………….…… | Xác nhận *(Verification)*: …………………………………….………… |   Phương thức xác thực giao dịch *(Transaction authentication method)*:   * Người Lập Lệnh: Mặc định áp dụng phương thức OTP – SMS. Trường hợp Khách hàng không đăng ký số điện thoại thì sử dụng OTP – Email *(Order Creator: OTP – SMS method is applied by default. In case the Customer does not provide the telephone number, OTP – Email shall be used)*. * Người Duyệt Lệnh/Người Xác Nhận Lệnh: Mặc định áp dụng phương thức Smart OTP *(Order Approver/Order Verifier: Smart OTP method is applied by default)*.   Trường hợp có nhu cầu đăng ký thêm phương thức xác thực là chữ ký số, vui lòng tích chọn/ *the Customer needs to use an additional authentication method of digital signature, please tick*:  Chữ ký số (Người Duyệt Lệnh/Người Xác Nhận Lệnh đăng ký chữ ký số lần đầu/đăng ký thêm/thay đổi thông tin/hủy bỏ/tạm dừng/chấm dứt tạm dừng chữ ký số trên hệ thống VPBank NEOBiz theo hướng dẫn của VPBank từng thời kỳ. Chữ ký số này được sử dụng để Người Duyệt lệnh/Người Xác nhận lệnh xác thực giao dịch, ký chứng từ trên VPBank NEOBiz)/ *Digital Signature (Order Approver/Oder Verifier registers digital signature for the first time/adds/changes information/cancellation/pauses/stops suspending digital signature on VPBank NEOBiz system according to instructions of VPBank from time to time. This digital signature is used for Order Approver/Order Verifier to authenticate transactions and sign documents on VPBank NEOBiz)* | | | | | | | | | | | | | |
| **4.3. Thông Tin Người Sử Dụng/ *User Information*** | | | | | | | | | | | | | |
| **Đăng ký mới/ *New registration*** | | | | | **Sửa đổi/ *Change*** | | | | | | **Hủy bỏ/ *Removal*** | | |
| Tên truy cập/ *Username*: *……………………………………………………………………………………….……………………………………..………………….* | | | | | | | | | | | | | |
| Họ và tên/ *Full name*: *……………………………………………………………………………………………………………………..…………….……………………*  Giấy tờ tùy thân/ *Identity document[[15]](#footnote-15) :………………………………………………………………………………………………………………………..*  Ngày cấp *(Date of issue)*: …………………………………………….…… Nơi cấp *(Place of issue)*: …………………………………………….  Có giá trị đến (*Date of expiry)*: ……………………………………… Mã PIN *(PIN Code)*[[16]](#footnote-16): ………………………………………….…………  Điện thoại di động *(Mobile)*: ……………………………………………… Địa chỉ Email *(Email)*: *……………………………….…………………*  Các thông tin khác không kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ (*Other information not declared in this Appendix shall follow the registered/updated information in the account opening file for service use)[[17]](#footnote-17).*  Nếu chưa đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ, vui lòng điền bổ sung các thông tin *sau (If the User has not registered/updated information in the account opening file and service use at VPBank, please provide the following additional information)*[[18]](#footnote-18):  Ngày, tháng, năm sinh *(Date of birth)*: ………………………………………..…………..………………………………………………………………….  Nghề nghiệp *(Occupation*): ………………………….…….. Chức vụ (*Position)*: ……….…………….……………..……………………………  Quốc tịch (Nationality): ………………………………………. Mã số thuế (Tax code): …….…….………..………..…………..………………..  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp  *(Identification information issued by competent Stateagencies)[[19]](#footnote-19)*:……………………………….……….……….……….………  Địa chỉ thường trú *(Pernament Address)*: ………………………………………………………………………………………………....……….……….  Tình trạng cư trú*/ Residence Status*:  Cư trú *(Resident)*  Không cư trú *(Non-resident)*  Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam (*For Foreign Residents in Vietnam):*  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực  *(Visa/Alternative Document Number)[[20]](#footnote-20):* ………….…………….………….………….………….………….………….………….………….…………  Nơi cấp *(Place of issue)*: ……………………….……………………… Ngày hết hạn *(Date of expiry)*: ……………………………………  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài  *(Address of registered residence abroad)*: ………………………….……………….……………….……………….……………….……………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam  *(Address of registered residence in Vietnam):* ………………..……………….……………….……………….……………….……………….……  Đối với cá nhân mang hai quốc tịch, bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại *(For Dual Nationality Individuals, please provide the following additional information for the other nationality*)[[21]](#footnote-21).  Quốc tịch (Nationality): ……..…………..……………………….. Số Hộ chiếu (Passport number): …………………………..………..…  Ngày cấp (Date of issue): ……………………………..………. Nơi cấp (Place of issue): ………………..….……………..………..………..  Ngày hết hạn hiệu lực (Date of expiry): ………………………………………………………………………………………………………………………  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại  (Residence Address in the other nationality country): …………………..………..………..………..………..………..………..………..…  Xin cấp lại mật khẩu mới *(Request for reissuing new password)* | | | | | | | | | | | | | |
| Chức năng/ *Function* | Thanh toán lương/*Salary payment* | | Thanh toán (không gồm Thanh toán lương)/ *Payment (excluding Salary payment)* | | | Thanh toán mở rộng (Thanh toán + Thanh toán lương)/ *Extended payment (Payment + Salary payment)* | | Tài trợ thương mại và tài trợ chuỗi/ *Trade financing and supply chain financing* | Tài trợ thương mại, tài trợ chuỗi và Thanh toán mở rộng/ *Trade financing, supply chain financing and Extended payment* | | | Truy vấn/ *Query* | Truy vấn mở rộng (gồm thông tin Thanh toán và Thanh toán lương)/ *Extended query (including information on Payment and Salary payment)* |
| Người Lập Lệnh/ *Order Creator* |  | |  | | |  | |  |  | | |  |  |
| Người Xác Nhận Lệnh/ *Order Verifier* |  | |  | | |  | |  |  | | |  |  |
| Người Duyệt Lệnh/ *Order Approver* |  | |  | | |  | |  |  | | |  |  |
| Người Truy Vấn Lệnh/ *Order Querier* |  | |  | | |  | |  |  | | |  |  |
| Đăng ký sử dụng chức năng thay đổi thông tin thông qua các Lệnh thay đổi thông tin *(Opt in to using the information change function by information change orders)*:  Có *(Yes)*  Không *(No)*  Đăng ký không xem danh sách lương (với Người Duyệt Lệnh/Người Xác Nhận Lệnh có vai trò thanh toán lương) *(Opt out of viewing the salary list (for Order Approver/Order Verifier acting the role of salary payment))*  Tài khoản thanh toán được quyền truy cập *(Current accounts with allowed access)*:  Tất cả các tài khoản thanh toán hiện tại của Khách hàng tại VPBank và tự động kết nối các tài khoản thanh toán được mở sau này của Khách hàng *(All existing current accounts of the Customer at VPBank and future opened accounts of the Customer shall be automatically connected)*.  Khác *(Other)*: ………………………………………………………………………………   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Hạn mức (VNĐ) *(Limit (VND))* | Duyệt đơn *(Single approval)*: …………………… | Duyệt kép *(Dual approval)*: ………….…… | Xác nhận *(Verification)*: …………………………………….………… |   Phương thức xác thực giao dịch *(Transaction authentication method)*:   * Người Lập Lệnh: Mặc định áp dụng phương thức OTP – SMS. Trường hợp Khách hàng không đăng ký số điện thoại thì sử dụng OTP – Email *(Order Creator: OTP – SMS method is applied by default. In case the Customer does not provide the telephone number, OTP – Email shall be used)*. * Người Duyệt Lệnh/Người Xác Nhận Lệnh: Mặc định áp dụng phương thức Smart OTP *(Order Approver/Order Verifier: Smart OTP method is applied by default)*.   Trường hợp có nhu cầu đăng ký thêm phương thức xác thực là chữ ký số, vui lòng tích chọn/ *the Customer needs to use an additional authentication method of digital signature, please tick*:  Chữ ký số (Người Duyệt Lệnh/Người Xác Nhận Lệnh đăng ký chữ ký số lần đầu/đăng ký thêm/thay đổi thông tin/hủy bỏ/tạm dừng/chấm dứt tạm dừng chữ ký số trên hệ thống VPBank NEOBiz theo hướng dẫn của VPBank từng thời kỳ. Chữ ký số này được sử dụng để Người Duyệt lệnh/Người Xác nhận lệnh xác thực giao dịch, ký chứng từ trên VPBank NEOBiz)/ *Digital Signature (Order Approver/Oder Verifier registers digital signature for the first time/adds/changes information/cancellation/pauses/stops suspending digital signature on VPBank NEOBiz system according to instructions of VPBank from time to time. This digital signature is used for Order Approver/Order Verifier to authenticate transactions and sign documents on VPBank NEOBiz)* | | | | | | | | | | | | | |
| **5. Đăng Ký Thay Đổi/ Hủy Bỏ Quản Trị Viên VPBank NEOBiz/ *Register VPBank NEOBiz Admins Change/Cancellation*** | | | | | | | | | | | | | |
| **Thay đổi loại Quản trị viên *(Admin type change)*:** | | | | | | | **Quản trị viên đơn *(Single admin)*** | | | | | | |
| **Quản trị viên kép *(Dual admin)*** | | | | | | |
| Lưu ý *(Notes)*: Cách đặt tên truy cập VPBank NEOBiz của Quản trị viên trong trường hợp đăng ký mới Quản trị viên *(How to set a username for VPBank NEOBiz account of admin in case of new admin registration)*:  + Bắt đầu bằng chữ, độ dài từ 6 đến 45 ký tự, bao gồm các ký tự số hoặc chữ viết liền (*Starting with a letter with length from 6 to 45 characters, including numeric characters or characters)*;  + Không chứa ký tự đặc biệt và khoảng trắng (*Contain no special characters and spaces)*;  + Không được sử dụng toàn bộ ký tự trùng nhau hoặc liên tục theo thứ tự trong bảng chữ cái, chữ số *(Do not use all identical or consecutive characters, or consecutive numbers)*;  + Trường hợp tên truy cập do Khách hàng đặt không hợp lệ hoặc trùng với tên truy cập của các Khách hàng khác đã tồn tại trên hệ thống VPBank NEOBiz thì VPBank sẽ tự động cấp lại tên truy cập *(In case the Customer’s username is invalid or already exists on the VPBank NEOBiz system, VPBank shall automatically reprovide the username)*. | | | | | | | | | | | | | |
| **5.1. Thông Tin Quản Trị Viên VPBank NEOBiz/ *Information about VPBank NEOBiz Admins*** | | | | | | | | | | | | | |
| **Đăng ký mới/ *New registration*** | | | | **Sửa đổi/ *Change*** | | | | | | | **Hủy bỏ/ *Removal*** | | |
| Tên truy cập *(Username)*: *……………………………………………………………………….………………………………………………………………………..* | | | | | | | | | | | | | |
| Họ và tên (*Full name)*: *……………………………………………………………………………………………………………………..…………….…………………..*  Giấy tờ tùy thân/ *Identity document[[22]](#footnote-22) :……………………………………………………………………………………………………………………..*  Ngày cấp *(Date of issue)*: …………………………………………….…… Nơi cấp *(Place of issue)*: ……………………………………………  Có giá trị đến (*Date of expiry)*: ……………………………………… Mã PIN *(PIN Code)*[[23]](#footnote-23): ………………………………………….……….  Điện thoại di động *(Mobile)*: ……………………………………………… Địa chỉ Email *(Email)*: *……………………………….……………….*  Các thông tin khác không kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ (*Other information not declared in this Appendix shall follow the registered/updated information in the account opening file for service use)[[24]](#footnote-24).*  Nếu chưa đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ, vui lòng điền bổ sung các thông tin sau *(If the User has not registered/updated information in the account opening file and service use at VPBank, please provide the following additional information)*[[25]](#footnote-25):  Ngày, tháng, năm sinh *(Date of birth)*: ………………………………………..…………..…………..…………..…………..…………..…………..…  Nghề nghiệp *(Occupation):* ………………………….…….. Chức vụ *(Position)*: ……….…………….……………..…………..…………..…  Quốc tịch *(Nationality)*: ………………………………………. Mã số thuế *(Tax code)*: …….…….………..………..…………..…………..  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp  *(Identification information issued by competent foreign agencies)[[26]](#footnote-26)*: ……………………………….……….……….  Địa chỉ thường trú (*Pernament Address)*: ………………………………………………………………………………………………....……….………  Tình trạng cư trú/ *Residence Status*:  Cư trú *(Resident)*  Không cư trú *(Non-resident)*  Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam *(For Foreign Residents in Vietnam):*  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực  *(Visa/Alternative Document Number)*[[27]](#footnote-27) : ………….…………….………….………….………….………….………….………….………….…………  Nơi cấp *(Place of issue)*: ……………………….……………………… Ngày hết hạn *(Date of expiry)*: ……………………………………  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài  *(Address of registered residence abroad):* ………………………….……………….……………….……………….……………….……………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam  *(Address of registered residence in Vietnam)*: ………………..……………….……………….……………….……………….……………….……  Đối với cá nhân mang hai quốc tịch, bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại *(For Dual Nationality Individuals, please provide the following additional information for the other nationality)[[28]](#footnote-28).*  Quốc tịch *(Nationality)*: ……..…………..……………………….. Số Hộ chiếu (*Passport number)*: …………………………..………..…  Ngày cấp *(Date of issue)*: ……………………………..………. Nơi cấp *(Place of issue)*: ………………..….……………..………..………..  Ngày hết hạn hiệu lực *(Date of expiry)*: ……………………………………………………………………………………………………………………….  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại  *(Residence Address in the other nationality country):* …………………..………..………..………..………..………..………..………..… | | | | | | | | | | | | | |
| Phương thức xác thực: Mặc định áp dụng phương thức Smart OTP *(Authentication method: Smart OTP method is applied by default)*.  Trường hợp có nhu cầu đăng ký thêm phương thức xác thực là chữ ký số, vui lòng tích chọn/ *the Customer needs to use an additional authentication method of digital signature, please tick*:  Chữ ký số (Quản trị viên đăng ký chữ ký số lần đầu/đăng ký thêm/thay đổi thông tin/hủy bỏ/tạm dừng/chấm dứt tạm dừng chữ ký số trên hệ thống VPBank NEOBiz theo hướng dẫn của VPBank từng thời kỳ. Chữ ký số này được sử dụng để Quản trị viên xác thực giao dịch, ký chứng từ trên VPBank NEOBiz)/ *Digital Signature (Admin registers digital signature for the first time/adds/changes information/cancellation/pauses/stops suspending digital signature on VPBank NEOBiz system according to instructions of VPBank from time to time. This digital signature is used for Admin to authenticate transactions and sign documents on VPBank NEOBiz)* | | | | | | | | | | | | | |
| Xin cấp lại mật khẩu mới *(Request for reissuing new password)* | | | | | | | | | | | | | |
| **5.2. Thông Tin Quản Trị Viên VPBank NEOBiz** | | | | | | | | | | | | | |
| **Đăng ký mới/ *New registration*** | | | | | **Sửa đổi/ *Change*** | | | | | | **Hủy bỏ/ *Removal*** | | |
| Tên truy cập: *………………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………* | | | | | | | | | | | | | |
| Họ và tên (*Full name)*: *……………………………………………………………………………………………………………………..…………….…………………..*  Giấy tờ tùy thân/ *Identity document[[29]](#footnote-29) :……………………………………………………………………………………………………………………..*  Ngày cấp *(Date of issue)*: …………………………………………….…… Nơi cấp *(Place of issue)*: ……………………………………………  Có giá trị đến (*Date of expiry)* : ……………………………………… Mã PIN *(PIN Code)*[[30]](#footnote-30): ………………………………………….……….  Điện thoại di động *(Mobile)*: ……………………………………………… Địa chỉ Email *(Email)*: *……………………………….……………….*  Các thông tin khác không kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ *(Other information not declared in this Appendix shall follow the registered/updated information in the account opening file for service use)*[[31]](#footnote-31).  Nếu chưa đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ, vui lòng điền bổ sung các thông tin sau *(If the User has not registered/updated information in the account opening file and service use at VPBank, please provide the following additional information)*[[32]](#footnote-32):  Ngày, tháng, năm sinh *(Date of birth)*: ………………………………………..…………..…………..…………..…………..…………..…………..…  Nghề nghiệp *(Occupation)*: ………………………….…….. Chức vụ *(Position)*: ……….…………….……………..…………..…………..…  Quốc tịch *(Nationality)*: ………………………………………. Mã số thuế *(Tax code)*: …….…….………..………..…………..…………..  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp  *(Identification information issued by competent State agencies)[[33]](#footnote-33)*:……………………………….……….……….……….……  Địa chỉ thường trú *(Pernament Address)*: ………………………………………………………………………………………………....……….………  Tình trạng cư trú/ *Residence Status*:  Cư trú *(Resident)*  Không cư trú *(Non-resident)*  Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam *(For Foreign Residents in Vietnam):*  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực  *(Visa/Alternative Document Number)*[[34]](#footnote-34) : ………….…………….………….………….………….………….………….………….………….…………  Nơi cấp *(Place of issue):* ……………………….……………………… Ngày hết hạn *(Date of expiry)*: ……………………………………  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài  (*Address of registered residence abroad)*: ………………………….……………….……………….……………….……………….……………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam  (Address of registered residence in Vietnam): ………………..……………….……………….……………….……………….……………….……  Đối với cá nhân mang hai quốc tịch, bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại (*For Dual Nationality Individuals, please provide the following additional information for the other nationality)*[[35]](#footnote-35).  Quốc tịch *(Nationality)*: ……..…………..……………………….. Số Hộ chiếu *(Passport number)*: …………………………..………..…  Ngày cấp *(Date of issue)*: ……………………………..………. Nơi cấp *(Place of issue)*: ………………..….……………..………..………..  Ngày hết hạn hiệu lực (Date of expiry):………………………………………………………………………………………………………………………..  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại  *(Residence Address in the other nationality country):* …………………..………..………..………..………..………..………..………..… | | | | | | | | | | | | | |
| Phương thức xác thực: Mặc định áp dụng phương thức Smart OTP *(Authentication method: Smart OTP method is applied by default)*.  Trường hợp có nhu cầu đăng ký thêm phương thức xác thực là chữ ký số, vui lòng tích chọn/ *the Customer needs to use an additional authentication method of digital signature, please tick*:  Chữ ký số (Quản trị viên đăng ký chữ ký số lần đầu/đăng ký thêm/thay đổi thông tin/hủy bỏ/tạm dừng/chấm dứt tạm dừng chữ ký số trên hệ thống VPBank NEOBiz theo hướng dẫn của VPBank từng thời kỳ. Chữ ký số này được sử dụng để Quản trị viên xác thực giao dịch, ký chứng từ trên VPBank NEOBiz)/ *Digital Signature (Admin registers digital signature for the first time/adds/changes information/cancellation/pauses/stops suspending digital signature on VPBank NEOBiz system according to instructions of VPBank from time to time. This digital signature is used for Admin to authenticate transactions and sign documents on VPBank NEOBiz)* | | | | | | | | | | | | | |
| Xin cấp lại mật khẩu mới *(Request for reissuing new password)* | | | | | | | | | | | | | |
| **6. Ủy Quyền Sử Dụng VPBank NEOBiz/ *Authorization to use VPBank NEOBiz*** | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Người ủy quyền: Chủ Tài khoản, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán mà Khách hàng đã đăng ký cho việc sử dụng Tài khoản thanh toán *(Authorizer: Account Holder and Accountant/Person in charge of Accounting registered by Customer for their current account use)*. 2. Người được ủy quyền: Là những Người sử dụng được đăng ký và có thông tin tại Mục 4 và Quản trị viên được đăng ký tại Mục 5 Phụ lục này *(Authorized persons: are Users who are registered and have their information specified in Section 4 and Admins who are registered in Section 5 of this Annex)*. 3. Nội dung, phạm vi và thời hạn ủy quyền *(Content, scope and time limit for authorization)*:    1. Người được ủy quyền được thực hiện các công việc cụ thể sau *(The Authorized Person is entitled to perform the following tasks)*:  * Đối với Người sử dụng VPBank NEOBiz: Được ủy quyền để thực hiện các công việc theo chức năng đã đăng ký tại Mục 4 Phụ lục này *(For VPBank NEOBiz Users: Be authorized to perform the tasks per functions registered in Section 4 of this Annex)*; * Đối với Quản trị viên VPBank NEOBiz: Được ủy quyền để (i) thực hiện các công việc theo chức năng đã đăng ký tại Mục 5 Phụ lục này; (ii) được phép thay mặt Chủ tài khoản, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán thực hiện phân quyền/ủy quyền/quyết định các chức năng, đăng ký các thông tin khác cho Người sử dụng VPBank NEOBiz được khởi tạo bởi Quản trị viên trên hệ thống VPBank NEOBiz *(For VPBank NEOBiz Admins: Be authorized to (i) perform the tasks per functions registered in Section 5 of this Annex; (ii) on behalf of the Account Holder and Accountant/Person in charge of Accounting, decentralize/authorize/decide upon functions, register other information about VPBank NEOBiz Users created by Admins on the VPBank NEOBiz system)*.   1. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác thực hiện các công việc được ủy quyền *(The Authorized Person is not allowed to subauthorize another person to do the authorized tasks)*.   2. Việc hủy bỏ, thay thế ủy quyền sử dụng VPBank NEOBiz không làm chấm dứt trách nhiệm của Người được ủy quyền đối với các giao dịch do Người được ủy quyền đó đã thực hiện trên VPBank NEOBiz *(The cancellation or replacement of the authorization to use VPBank NEOBiz shall not terminate the responsibilities of the Authorized Person to transactions made by such Authorized Person on VPBank NEOBiz)*.   3. Ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày Khách hàng được VPBank chấp thuận tại Phần B – Phần dành cho VPBank của Giấy đề nghị, cho đến khi VPBank nhận được văn bản hủy bỏ/thay thế của Người ủy quyền và những thay đổi này đã được VPBank chấp thuận *(This authorization shall take effect from the date on which the Customer is approved by VPBank in Section B – For VPBank Use Only in the Request, until VPBank receives the written cancellation/replacement from the Authorizer and such amendments are accepted by VPBank)*.  1. Người ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về các giao dịch do Người được ủy quyền, Người sử dụng VPBank NEOBiz (do Quản trị viên đăng ký/khởi tạo) xác lập trên VPBank NEOBiz trong phạm vi ủy quyền và xác nhận *(The Authorized Person shall take responsibility to the law for transactions made by the Authorized Person and VPBank NEOBiz Users (registered/created by Admins) on VPBank NEOBiz within the scope of authorization and verify that they)*:    1. Đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích của mình và hậu quả pháp lý của việc ủy quyền *(Understand their rights, obligations and interests, as well as legal consequences of the authorization)*.    2. Đồng ý với mọi nội dung ủy quyền tại văn bản này và không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp nào đối với VPBank liên quan đến việc VPBank thực hiện các giao dịch trên VPBank NEOBiz *(Agree with all authorization content in this document and shall not claim, sue or dispute VPBank in relation to transactions made by it via VPBank NEOBiz)*. | | | | | | | | | | | | | |
| **7. Cam Kết Của Khách Hàng/ *Customer Commitment*** | | | | | | | | | | | | | |
| Chúng tôi cam kết rằng *(We hereby commit that)*:   1. Đảm bảo các thông tin cung cấp cho VPBank là đầy đủ và chính xác, đồng thời có nghĩa vụ cập nhật và thông báo cho VPBank những thay đổi về thông tin đã đăng ký trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thay đổi *(We ensure the sufficiency and accuracy of information provided for VPBank, and we are obliged for updating and notifying VPBank of changes in registered information within a maximum duration of 30 (thirty) days from the date of such changes)*. 2. Tuân thủ đúng những nội dung đã cam kết tại các văn bản liên quan đến đăng ký và sử dụng dịch VPBank NEOBiz mà Chúng tôi đã đăng ký với VPBank và đã được VPBank chấp thuận *(We shall comply with the committed contents in documents regarding VPBank NEOBiz services registration and use that we have submitted to VPBank and gotten approval from the bank)*. 3. Hoàn toàn chịu trách nhiệm trong việc bảo quản và sử dụng mật khẩu truy cập, bảo mật những thông tin đã được VPBank chấp thuận thay đổi theo đăng ký này của Chúng tôi *(We shall fully take responsibility for the protection and use of access passwords, securing changed information approved by VPBank hereof)*. 4. Các nội dung không được Chúng tôi đề nghị đăng ký thay đổi hoặc không được VPBank chấp thuận thì giữ nguyên hiệu lực theo các văn bản Chúng tôi đã đăng ký với VPBank và được VPBank chấp thuận *(The contents that have not been registered for change or approved by VPBank shall remain in full force and effect according to the signed documents between us and VPBank with their approval)*.   e) Yêu cầu thay đổi thông tin sử dụng dịch vụ VPBank NEOBiz có hiệu lực kể từ ngày VPBank chấp thuận tại Phần B – Phần dành cho VPBank của Giấy đề nghị *(The request for VPBank NEOBiz service information change takes effects from the on which VPBank approves it in Section B - For VPBank)*. | | | | | | | | | | | | | |
| **II. PHẦN DÀNH CHO VPBANK/ *FOR VPBANK*** | | | | | | | | | | | | | |
| VPBank chấp thuận thay đổi thông tin sử dụng dịch vụ VPBank NEOBiz theo đề nghị nêu trên của Khách hàng vào hồi: ………h ………. ngày ……………………….………. *(VPBank approves VPBank NEOBiz service information change according to Customer request at: ………h ………. dated ……………………….……….)*  Mã Khách hàng *(Customer Code)*: ………………………..…………………………..…….. | | | | | | | | | | | | | |

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MẪU BIỂU/ *GUIDELINES ON HOW TO USE THE FORM***

1. **TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG/ *APPLICABLE CASES***

Áp dụng cho trường hợp KH có nhu cầu đăng ký thay đổi thông tin sử dụng dịch vụ sử dụng dịch vụ VPBank NEOBiz. Mẫu biểu này chỉ được sử dụng là Phụ lục của Giấy đề nghị đăng ký dịch vụ *(Applicable to Customers who needs to change VPBank NEOBiz service information change. This form is used as the Annex of Service application form)*.

1. **HƯỚNG DẪN NỘI DUNG/ *GUIDELINES ON CONTENTS***
2. Mục 4: Hướng dẫn đăng ký thông tin Người sử dụng VPBank NEOBiz *(Section 4: Instructions on how to register information of VPBank NEOBiz User)*:

* Hướng dẫn KHDN đăng ký thông tin của từng Người sử dụng VPBank NEOBiz được đăng ký mới, sửa đổi thông tin người sử dụng VPBank NEOBiz hoặc hủy bỏ người sử dụng VPBank NEOBiz *(Instructions for Corporate Customers to have information of each VPBAnk NEOBiz User newly registered, VPBank NEOBiz User information changed or VPBank NEOBiz User canceled)*.
* Đối với Người sử dụng VPBank NEOBiz đăng ký chức năng Duyệt lệnh tài trợ thương mại và tài trợ chuỗi/Duyệt lệnh tài trợ thương mại, tài trợ chuỗi và thanh toán mở rộng: Yêu cầu sử dụng phương thức xác thực là Chữ ký số *(For VPBank NEOBiz User who registers the function on approving Trading Financing and Supply Chain Financing orders/Trade Financing, Supply Chain Financing and Extended Payment orders: Authentication by E-signature is required)*.
* Trường hợp phát sinh đăng ký thêm, đăng ký thay đổi, hủy bỏ Thông tin Người sử dụng, Đơn vị soạn thảo thực hiện bổ sung thêm nội dung giống Mục 4.1 và đánh số thứ tự từ nhỏ đến lớn phù hợp với số lượng user Khách hàng có nhu cầu đăng ký mới/thay đổi/hủy bỏ *(If the User Information is further registered, changed or canceled, the Drafting Unit shall add another section similar to Section 4.1 and number it in ascending order in accordance with the quantity of users that Customer needs to newly register/change/cancel)*.

1. Mục 5. Hướng dẫn đăng ký thông tin Quản trị viên VPBank NEOBiz *(Section 5. Instructions on how to register information of VPBank NEOBiz Admins)*

* Hướng dẫn KHDN đăng ký thông tin của từng Quản trị viên VPBank NEOBiz được đăng ký mới, sửa đổi thông tin Quản trị viên VPBank NEOBiz hoặc hủy bỏ Quản trị viên VPBank NEOBiz *(Instructions for Corporate Customers to have information of each VPBAnk NEOBiz Admin newly registered, VPBank NEOBiz Admin information changed or VPBank NEOBiz Admin canceled)*.
* Trường hợp phát sinh đăng ký thêm, đăng ký thay đổi, hủy bỏ Thông tin Quản trị viên, Đơn vị soạn thảo thực hiện bổ sung thêm nội dung giống Mục 5.1 và đánh số thứ tự từ nhỏ đến lớn phù hợp với số lượng user Khách hàng đăng ký *(If the Admin Information is further registered, changed or canceled, the Drafting Unit shall add another section similar to Section 5.1 and number it in ascending order in accordance with the quantity of users registered by the Customer)*.

1. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau/ Identification documents are determined as follows:

   - Công dân Việt Nam: Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND / *Vietnamese citizens: Citizen ID card / Identity card / Electronic identity card / Identity document*

   - Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch: Giấy chứng nhận căn cước / *Vietnamese origin without determined nationality: Identity certificate*

   - Người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử / *Foreigners: Passport or electronic identification*

   - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế / *Stateless persons: Travel document* [↑](#footnote-ref-1)
2. Áp dụng cho trường hợp Khách hàng không sử dụng điện thoại di động, Mã PIN là 6 ký tự số không liên tục *(Applicable to Customers who do not use mobile phones, PIN code includes 6 non-consecutive numeric characters)* [↑](#footnote-ref-2)
3. Nếu như Người sử dụng là đại diện hợp pháp/ người được ủy quyền sử dụng Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT này tại VPBank/ If the User is the legal representative/authorized person to use the account registered for service use as specified in this account opening file at VPBank [↑](#footnote-ref-3)
4. Các thông tin khác không được kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ tại VPBank/ *Other information not declared in this Appendix shall be in accordance with the information registered/updated in the account opening file and service registration at VPBank* [↑](#footnote-ref-4)
5. Vui lòng kê khai nếu là Người nước ngoài và không có thông tin số hộ chiếu*/ Please declare if you are a Foreigner and do not have passport number information.* [↑](#footnote-ref-5)
6. Vui lòng không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật/ *Please do not fill in if you are exempt from visa according to the law* [↑](#footnote-ref-6)
7. Trường hợp cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng kê khai đầy đủ thông tin các quốc tịch, Số hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp, Ngày hết hạn và Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại/ *In case of individuals with dual nationality, please provide complete information on all nationalities, passport numbers, date of issue, place of issue, expiration date, and the residential address in the country of the other nationality* [↑](#footnote-ref-7)
8. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau/ *Identification documents are determined as follows:*

   - Công dân Việt Nam: Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND / *Vietnamese citizens: Citizen ID card / Identity card / Electronic identity card / Identity document*

   - Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch: Giấy chứng nhận căn cước / *Vietnamese origin without determined nationality: Identity certificate*

   - Người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử / *Foreigners: Passport or electronic identification*

   - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế / *Stateless persons: Travel document* [↑](#footnote-ref-8)
9. Áp dụng cho trường hợp Khách hàng không sử dụng điện thoại di động, Mã PIN là 6 ký tự số không liên tục *(Applicable to Customers who do not use mobile phones, PIN code includes 6 non-consecutive numeric characters)* [↑](#footnote-ref-9)
10. Nếu như Người sử dụng là đại diện hợp pháp/ người được ủy quyền sử dụng Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT này tại VPBank*/ If the User is the legal representative/authorized person to use the account registered for service use as specified in this account opening file at VPBank* [↑](#footnote-ref-10)
11. Các thông tin khác không được kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ tại VPBank/ *Other information not declared in this Appendix shall be in accordance with the information registered/updated in the account opening file and service registration at VPBank* [↑](#footnote-ref-11)
12. Vui lòng kê khai nếu là Người nước ngoài và không có thông tin số hộ chiếu*/ Please declare if you are a Foreigner and do not have passport number information.* [↑](#footnote-ref-12)
13. Vui lòng không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật/ *Please do not fill in if you are exempt from visa according to the law* [↑](#footnote-ref-13)
14. Trường hợp cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng kê khai đầy đủ thông tin các quốc tịch, Số hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp, Ngày hết hạn và Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại/ *In case of individuals with dual nationality, please provide complete information on all nationalities, passport numbers, date of issue, place of issue, expiration date, and the residential address in the country of the other nationality* [↑](#footnote-ref-14)
15. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau/ Identification documents are determined as follows:

    - Công dân Việt Nam: Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND / *Vietnamese citizens: Citizen ID card / Identity card / Electronic identity card / Identity document*

    - Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch: Giấy chứng nhận căn cước / *Vietnamese origin without determined nationality: Identity certificate*

    - Người nước ngoài: Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử / *Foreigners: Passport or electronic identification*

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế / *Stateless persons: Travel document* [↑](#footnote-ref-15)
16. Áp dụng cho trường hợp Khách hàng không sử dụng điện thoại di động, Mã PIN là 6 ký tự số không liên tục *(Applicable to Customers who do not use mobile phones, PIN code includes 6 non-consecutive numeric characters)* [↑](#footnote-ref-16)
17. Nếu như Người sử dụng là đại diện hợp pháp/ người được ủy quyền sử dụng Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT này tại VPBank/ If the User is the legal representative/authorized person to use the account registered for service use as specified in this account opening file at VPBank [↑](#footnote-ref-17)
18. Các thông tin khác không được kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ tại VPBank [↑](#footnote-ref-18)
19. Vui lòng kê khai nếu là Người nước ngoài và không có thông tin số hộ chiếu*/ Please declare if you are a Foreigner and do not have passport number information.* [↑](#footnote-ref-19)
20. Vui lòng không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật/ *Please do not fill in if you are exempt from visa according to the law* [↑](#footnote-ref-20)
21. Trường hợp cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng kê khai đầy đủ thông tin các quốc tịch, Số hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp, Ngày hết hạn và Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại/ *In case of individuals with dual nationality, please provide complete information on all nationalities, passport numbers, date of issue, place of issue, expiration date, and the residential address in the country of the other nationality* [↑](#footnote-ref-21)
22. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau/ *Identification documents are determined as follows*:

    - Công dân Việt Nam/Vietnamese citizens: Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND */ Citizen ID card / Identification card / Electronic* Identification *card /* Identification *document.*

    - Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch/ *Vietnamese origin without determined nationality*: Giấy chứng nhận căn cước / Identification *certificate.*

    - Người nước ngoài/*Foreigners:* Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử / *Passport or Electronic identification.*

    - Người không quốc tịch/ *Stateless persons*: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế / Documents valid for international travel. [↑](#footnote-ref-22)
23. Áp dụng cho trường hợp Khách hàng không sử dụng điện thoại di động, Mã PIN là 6 ký tự số không liên tục *(Applicable to Customers who do not use mobile phones, PIN code includes 6 non-consecutive numeric characters)* [↑](#footnote-ref-23)
24. Nếu như Người sử dụng là đại diện hợp pháp/ người được ủy quyền sử dụng Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT này tại VPBank/ If the User is the legal representative/authorized person to use the account registered for service use as specified in this account opening file at VPBank. [↑](#footnote-ref-24)
25. Các thông tin khác không được kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ tại VPBank [↑](#footnote-ref-25)
26. Vui lòng kê khai nếu là Người nước ngoài và không có thông tin số hộ chiếu*/ Please declare if you are a Foreigner and do not have passport number information.* [↑](#footnote-ref-26)
27. Vui lòng không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật/ *Please do not fill in if you are exempt from visa according to the law* [↑](#footnote-ref-27)
28. Trường hợp cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng kê khai đầy đủ thông tin các quốc tịch, Số hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp, Ngày hết hạn và Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại/ In case of individuals with dual nationality, please provide complete information on all nationalities, passport numbers, date of issue, place of issue, expiration date, and the residential address in the country of the other nationality. [↑](#footnote-ref-28)
29. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau/ *Identification documents are determined as follows*:

    - Công dân Việt Nam/Vietnamese citizens: Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND */ Citizen ID card / Identification card / Electronic* Identification *card /* Identification *document.*

    - Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch/ *Vietnamese origin without determined nationality*: Giấy chứng nhận căn cước / Identification *certificate.*

    - Người nước ngoài/*Foreigners:* Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử / *Passport or Electronic identification.*

    - Người không quốc tịch/ *Stateless persons*: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế / Documents valid for international travel. [↑](#footnote-ref-29)
30. Áp dụng cho trường hợp Khách hàng không sử dụng điện thoại di động, Mã PIN là 6 ký tự số không liên tục *(Applicable to Customers who do not use mobile phones, PIN code includes 6 non-consecutive numeric characters)* [↑](#footnote-ref-30)
31. Nếu như Người sử dụng là đại diện hợp pháp/ người được ủy quyền sử dụng Tài khoản đăng ký sử dụng dịch vụ đã đăng ký trong hồ sơ mở TKTT này tại VPBank/ If the User is the legal representative/authorized person to use the account registered for service use as specified in this account opening file at VPBank. [↑](#footnote-ref-31)
32. Các thông tin khác không được kê khai tại Phụ lục này: thực hiện theo thông tin đăng ký/ cập nhật trong hồ sơ mở tài khoản và đăng ký sử dụng dịch vụ tại VPBank [↑](#footnote-ref-32)
33. Vui lòng kê khai nếu là Người nước ngoài và không có thông tin số hộ chiếu*/ Please declare if you are a Foreigner and do not have passport number information.* [↑](#footnote-ref-33)
34. Vui lòng không điền với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật/ *Please do not fill in if you are exempt from visa according to the law* [↑](#footnote-ref-34)
35. Trường hợp cá nhân mang hai quốc tịch, vui lòng kê khai đầy đủ thông tin các quốc tịch, Số hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp, Ngày hết hạn và Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại/ In case of individuals with dual nationality, please provide complete information on all nationalities, passport numbers, date of issue, place of issue, expiration date, and the residential address in the country of the other nationality. [↑](#footnote-ref-35)